

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15; Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Mục I như sau:

“a) Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Cục thuộc Bộ

Số TT	Chức danh lãnh đạo	Cục loại 1	Cục loại 2
		Hệ số	Hệ số
1	Cục trưởng	1,10	1,00
2	Phó Cục trưởng	0,90	0,80
3	Trưởng cơ quan khu vực, Chi cục trưởng hoặc tương đương tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	0,80	0,70
4	- Trưởng ban, Trưởng phòng, Chánh Văn phòng - Trưởng cơ quan khu vực, Chi cục trưởng hoặc tương đương tại các tỉnh, thành phố còn lại	0,70	0,60
5	Phó Trưởng cơ quan khu vực, Phó Chi cục trưởng hoặc tương đương tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	0,60	0,50
6	- Phó Trưởng ban, Phó Trưởng phòng, Phó Chánh văn phòng - Phó Trưởng cơ quan khu vực, Phó Chi cục trưởng hoặc tương đương tại các tỉnh, thành phố còn lại	0,50	0,40
7	Trưởng phòng, Đội trưởng hoặc tương đương thuộc cơ quan khu vực, Chi cục và tương đương tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	0,40	0,40
8	Trưởng phòng, Đội trưởng hoặc tương đương thuộc cơ quan khu vực, Chi cục và tương đương tại các tỉnh, thành phố còn lại	0,30	0,30
9	Phó Trưởng phòng, Phó Đội trưởng hoặc tương đương thuộc cơ quan khu vực, Chi cục và tương đương tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	0,25	0,25
10	Phó Trưởng phòng, Phó Đội trưởng hoặc tương đương thuộc cơ quan khu vực, Chi cục và tương đương tại các tỉnh, thành phố còn lại	0,20	0,20

”

2. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 Mục I như sau:

“8a. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố

Số TT	Chức danh lãnh đạo	Xã, phường, đặc khu trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố còn lại
		Hệ số	Hệ số
1	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	0,70	0,60

2	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	0,60	0,50	”
3	Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và tương đương	0,35	0,25	
4	Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và tương đương	0,20	0,15	

3. Sửa đổi điểm 11.1 khoản 11 Mục I như sau:

“11.1. Thanh tra thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thanh tra thuộc Cục thuộc Bộ

a) Thanh tra thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ

Số TT	Chức danh lãnh đạo	Hệ số
1	Chánh Thanh tra	1,00
2	Phó Chánh thanh tra	0,80
3	Trưởng phòng	0,60
4	Phó Trưởng phòng	0,40

b) Thanh tra thuộc Cục thuộc Bộ

Số TT	Chức danh lãnh đạo	Cục loại 1	Cục loại 2	”
		Hệ số	Hệ số	
1	Chánh Thanh tra	0,70	0,60	
2	Phó Chánh thanh tra	0,50	0,40	

4. Bãi bỏ khoản 3, điểm c khoản 4, khoản 5, khoản 9, khoản 10, điểm 11.3 khoản 11, điểm 11.4 khoản 11, khoản 12, khoản 13 và khoản 14 Mục I.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Chế độ phụ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. Bãi bỏ quy định về phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu đang bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo do chịu tác động của việc sắp xếp tổ

chức bộ máy hoặc sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hoặc chưa được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo thì thực hiện phụ cấp chức vụ lãnh đạo như sau:

a) Trường hợp bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo mà hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo bảo lưu cao hơn hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này thì thực hiện theo nguyên tắc: Tiếp tục hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo bảo lưu đến hết thời gian quy định, sau thời gian này hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

b) Trường hợp trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 chưa được áp dụng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này thì thực hiện theo nguyên tắc: Truy lĩnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo và truy nộp bảo hiểm xã hội theo hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này hoặc phần chênh lệch giữa hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này so với hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo bảo lưu, kể từ ngày giữ chức danh lãnh đạo của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

2. Đối với chức danh lãnh đạo của Cục thuộc Bộ khi chưa có quyết định phân loại Cục thì thực hiện phụ cấp chức vụ lãnh đạo như sau:

a) Áp dụng hệ số phụ cấp chức vụ của Cục loại 2 quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

b) Trường hợp giữ chức danh lãnh đạo được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo (do sắp xếp tổ chức bộ máy từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 theo quy định tại Nghị định của Chính phủ) cao hơn phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Cục thuộc Bộ tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì tiếp tục hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo bảo lưu đến hết thời gian quy định; sau thời gian này áp dụng phụ cấp chức vụ lãnh đạo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này và điểm a khoản này. Trường hợp chưa được áp dụng phụ cấp chức vụ lãnh đạo hoặc được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Cục thuộc Bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này và điểm a khoản này thì được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Cục thuộc Bộ theo nguyên tắc tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà